

Số: 294 /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Đề án hỗ trợ cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn các xã, phường khu vực phía Bắc tỉnh Thái Nguyên (tỉnh Bắc Kạn cũ)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 31/01/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 310/TTr-SXD ngày 15/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Đề án hỗ trợ cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn các xã, phường khu vực phía Bắc tỉnh Thái Nguyên (tỉnh Bắc Kạn cũ), cụ thể như sau:

1. Nội dung đã phê duyệt (tại Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 31/01/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn (cũ)):

Tại mục 7. Tổng số hộ được hỗ trợ: 265 hộ, trong đó: xây mới: 149 hộ; sửa chữa: 116 hộ.

Tại mục 8. Kinh phí thực hiện

- Ngân sách trung ương hỗ trợ từ nguồn vốn chi thường xuyên (theo bố trí vốn của Bộ Tài chính tại Văn bản số 14437/BTC-NSNN ngày 27/12/2024).

- Tổng kinh phí: 12.420.000.000 đồng, từ ngân sách trung ương (Bằng chữ: Mười hai tỷ, bốn trăm hai mươi triệu đồng), trong đó:

+ Xây mới: 8.940.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ, chín trăm bốn mươi triệu đồng).

+ Sửa chữa: 3.480.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Tại mục 9. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành trong năm 2025.

2. Nội dung điều chỉnh

Tại mục 7. Tổng số hộ được hỗ trợ: 235 hộ, trong đó: xây mới: 138 hộ; cải tạo, sửa chữa: 97 hộ.

Tại mục 8. Kinh phí thực hiện

Ngân sách trung ương hỗ trợ từ nguồn vốn chi thường xuyên (theo Văn bản số 14437/BTC-NSNN ngày 27/12/2024 của Bộ Tài chính).

- Tổng kinh phí: **11.190.000.000 đồng**, từ ngân sách Trung ương (Bằng chữ: Mười một tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng), trong đó:

+ Xây mới: 8.280.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng).

+ Sửa chữa: 2.910.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm mười triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo)

Tại mục 9. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành **trước ngày 27/7/2025**.

2. Các nội dung khác: Không thay đổi, thực hiện theo Đề án hỗ trợ cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã được phê duyệt tại Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 31/01/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn (cũ).

Điều 2. Giao Sở Xây dựng - Cơ quan chủ trì thực hiện Đề án có trách nhiệm phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo và các sở, ban, ngành liên quan, UBND các phường, xã khu vực phía Bắc tỉnh Thái Nguyên (tỉnh Bắc Kạn cũ) tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung Đề án được phê duyệt đảm bảo hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND

các phường, xã khu vực phía Bắc tỉnh Thái Nguyên (tỉnh Bắc Kạn cũ); Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Như Điều 3 (t/h);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các phường, xã (khu vực phía Bắc, tỉnh Bắc Kạn cũ);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD. Hiên

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

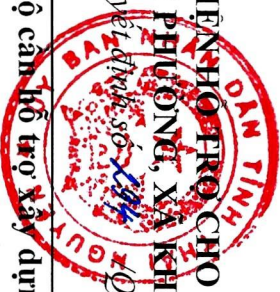


Nguyễn Thị Loan

Phụ lục 01

BẢNG TỔNG HỢP VỐN THỰC HIỆN HỖ TRỢ CHO NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ THÂN NHÂN LIỆT SĨ VỀ NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN CÁC PHƯỜNG, XÃ KHU VỰC PHÍA BẮC TỈNH THÁI NGUYÊN (TỈNH BẮC KẠN CŨ)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



STT	Tên phường, xã và người có công được hỗ trợ	Tổng số hộ cần hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn (hộ)			Tổng số kinh phí thực hiện chính sách (triệu đồng)			Ghi chú
		Tổng số (hộ)	Số hộ xây dựng mới nhà ở (hộ)	Số hộ cải tạo nhà ở (hộ)	Tổng số (triệu đồng)	Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ hộ xây mới nhà ở (60 triệu đồng/hộ)	Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ hộ cải tạo nhà ở (30 triệu đồng/hộ)	
1	Phường Đức Xuân	10	3	7	390	180	210	
2	Phường Bắc Kạn	12	11	1	690	660	30	
3	Xã Phong Quang	2	2		120	120	0	
4	Xã Ngân Sơn	2	2		120	120		
5	Xã Bằng Vân	2	1	1	90	60	30	
6	Xã Nà Phặc	10	3	7	390	180	210	
7	Xã Hiệp Lực	2	2		120	120	0	
8	Xã Thượng Quan	4	3	1	210	180	30	
9	Xã Văn Lang	13	6	7	570	360	210	
10	Xã Cường Lợi	2		2	60	0	60	
11	Xã Na Rì	11	3	8	420	180	240	

12	Xã Trần Phú	16	5	11	630	300	330	
13	Xã Côn Minh	10	5	5	450	300	150	
14	Xã Xuân Dương	3	3		180	180	0	
15	Xã Chợ Đồn	19	16	3	1050	960	90	
16	Xã Yên Phong	13	9	4	660	540	120	
17	Xã Nghĩa Tá	11	7	4	540	420	120	
18	Xã Yên Thịnh	4	3	1	210	180	30	
19	Xã Quảng Bạch	9	7	2	480	420	60	
20	Xã Nam Cường	3	2	1	150	120	30	
21	Xã Phú Thông	9	1	8	300	60	240	
22	Xã Cẩm Giàng	5	2	3	210	120	90	
23	Xã Bạch Thông	6	6		360	360		
24	Xã Ba Bể	3		3	90	0	90	
25	Chợ Rã	5	3	2	240	180	60	
26	Xã Đồng Phúc	3		3	90	0	90	
27	Xã Thượng Minh	9	7	2	480	420	60	
28	Xã Phúc Lộc	5	5		300	300	0	
29	Xã Thanh Mai	7	5	2	360	300	60	
30	Xã Thanh Thịnh	14	6	8	600	360	240	
31	Xã Chợ Mới	7	6	1	390	360	30	
32	Xã Yên Bình	4	4	0	240	240	0	
	Tổng số	235	138	97	11.190	8.280	2.910	

Phụ lục 02

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH CÓ CÔNG ĐƯỢC HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ, PHƯỜNG KHU VỰC PHÍA BẮC TỈNH THÁI NGUYÊN
(TỈNH BẮC KẠN CŨ)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên phường, xã và người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Tổng số hộ người có công với cách mạng thuộc diện được hỗ trợ về nhà ở	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (60 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (30 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
Đức Xuân						
1	Nguyễn Duy Trí	Tổ 3		60		
2	Vũ Thị Minh	Tổ 6		60		
3	Lý Thị Sơn	Tổ 11		60		
4	Hoàng Văn Lệnh	Tổ 15			30	
5	Hà Văn Sủi	Tổ 13			30	
6	Vũ Viết Ly	Tổ 13			30	
7	Hoàng Văn Kiên	Tổ 13			30	
8	Trần Văn Lập	Tổ 13			30	
9	Nông Thị Nhự	Tổ 1			30	
10	Hoàng Hữu Hùng	Tổ 8			30	
			10	180	210	
Bắc Kạn						
11	Bế Đình Yên	Tổ 18		60		
12	Hà Cát Đường	Tổ 11A			30	
13	Nguyễn Thị Lệ	Tổ 4		60		
14	Nông Văn Dậu	Tổ 6		60		
15	Phạm Thị Mai	Thôn Nam Đội Thân		60		
16	Bế Lãnh Thắng	Thôn Nam Đội Thân		60		
17	La Quang Trịnh	Tổ 14		60		
18	Hà Thị Kiệm	Tổ 4		60		
19	Nguyễn Thị Nghinh	Tổ 3		60		
20	Triệu Đình Luyện	Thôn Khau Dạ		60		
21	Triệu Đình Ngô	Thôn Hợp Thành		60		
22	Lý Văn Tiền	Thôn Hợp Thành		60		
			12	660	30	

Phong Quang						
23	Đặng Kính Thìn	Thôn Bản Chang		60		
24	Nguyễn Duy Vọng	Thôn Nà Cườm		60		
			2	120		
Ngân Sơn						
25	Chu Văn Dong			60		
26	Nông Văn Đảo			60		
			2	120		
Bằng Vân						
27	Phùng Thị Thạch	Khu AB (Bằng Khẩu)		60		
28	Đồng Văn Dong	Thôn Bản Duồm			30	
			2	60	30	
Nà Phặc						
29	Nông Văn Mèo	TDP Nà Này		60		
30	Hoàng Văn Đơ	TDP Nà Nội		60		
31	Hầu Văn Ú	TDP Phía Đẳng		60		
32	La Hoàng Định	TDP Nà Lâm			30	
33	Trần Ngọc Hiên	TDP Nà Nội			30	
34	Hứa Văn Ma	TDP Nà Khoang			30	
35	Nguyễn Xuân Vích	TDP Cốc Tào			30	
36	Địch Thị La	Tiểu khu 2			30	
37	La Quốc Bình	TDP Bản Hòa			30	
38	Hứa Văn Kìa	TDP Công Quán			30	
			10	180	210	
Hiệp Lực						
39	Nông Công Mộc	Thôn Thị Xuân		60		
40	Hoàng Ngọc Ký	Thôn Nà Lạn		60		
			2	120		
Thượng Quan						
41	Chu Văn Kiêm	Thôn Nà Kéo		60		
42	Hoàng Đức Tiễn	Thôn Thuận Hưng		60		
43	Hoàng Văn Bẩy	Thôn Thuận Hưng		60		
44	Cao Xuân Lãng	Thôn Nà Kéo			30	
			4	180	30	
Văn Lang						

45	Mã Thiêm Thuyền	Thôn Nà Lặng		60		
46	Mã Thị Chuyển	Thôn Bản Giang		60		
47	Hoàng Đức Diệm	Thôn Nà Mỏ		60		
48	Nguyễn Đình Hạc	Thôn Nà Mỏ		60		
49	Nguyễn Duy Am	Thôn Quốc Tuấn		60		
50	Đình Duy Thổ	Thôn Quốc Tuấn		60		
51	Nguyễn Công Ngạch	Thôn Pàn Xả			30	
52	Nguyễn Công Chính	Thôn Pàn Xả			30	
53	Trần Bảo La	Thôn Bản Kén			30	
54	Đàm Văn Hữu	Thôn Bản Kén			30	
55	Trịnh Văn Tam	Thôn Quốc Tuấn			30	
56	Nguyễn Thành Tâm	Thôn Bản Giang			30	
57	Nguyễn Duy Đông	Thôn Quốc Tuấn			30	
			13	360	210	
Cường Lợi						
58	Hoàng Văn Toàn	Thôn Thôm Khon			30	
59	Phạm Thanh Hồng	Thôn Nà Tâng			30	
			2		60	
Na Rì						
60	Đàm Văn Yêu			60		
61	Bế Thị Tuyên			60		
62	Nông Văn Thắm			60		
63	Nông Trần Việt				30	
64	Ngô Thị Mít				30	
65	Mã Thị Lan				30	
66	Hoàng Văn Trường				30	
67	Nông Thái Thụy				30	
68	Bùi Văn Nghiệm				30	
69	Mã Thị Kim				30	
70	Nguyễn Đức Trọng				30	
			11	180	240	
Trần Phú						
71	Đàm Văn Thâm			60		
72	Nguyễn Xuân Thu			60		
73	Hoàng Văn Thụ			60		
74	Triệu Văn Hằng			60		
75	Đàm Quang Khải			60		

76	Mã Thị Hoàn				30	
77	Đàm Văn Sương				30	
78	Lý Văn Đại				30	
79	Nông Văn Ngọc				30	
80	Ma Văn Tam				30	
81	Nông Văn Kim				30	
82	Hoàng Xuân Bằng				30	
83	Triệu Thị Va				30	
84	Hoàng Văn Đông				30	
85	Nông Văn Cương				30	
86	Ma Quang Trọng				30	
			16	300	330	
Côn Minh						
87	Nguyễn Văn Lệ			60		
88	Hoàng Văn Trọng			60		
89	Nông Văn Sưởng			60		
90	Hoàng Hà Chuyên			60		
91	Hoàng Văn Phi			60		
92	Hoàng Văn Cảnh				30	
93	Nguyễn Đức Việt				30	
94	Lộc Hữu Thêm				30	
95	Hoàng Văn Bào				30	
96	Nông Quang Đạo				30	
			10	300	150	
Xuân Dương						
97	Lô Minh Ân	Thôn Nà Chang		60		
98	Hoàng Đại Inh	Thôn Nà Tuồng		60		
99	Lô Minh Khoa	Thôn Cốc Càng		60		
			3	180		
Chợ Đồn						
100	Nguyễn Đức Hiếu	Tổ DP Bản Duồng		60		
101	Lục Thị Mùi	Tổ dân phố 3		60		
102	Hà Văn Kìa	Tổ dân phố 3		60		
103	Đặng Văn Quyền	Tổ dân phố 5		60		
104	Nông Thị Tơm	Tổ dân phố 11		60		

105	La Thị Lân	Bảng Viễn I		60		
106	Lục Văn Việt	Nà Bjooc		60		
107	Hoàng Thị Hưng	Nà Quân		60		
108	Ma Thị Bướm	Bảng Viễn 1		60		
109	Lục Văn Tuyển	Bảng Viễn 2		60		
110	Hoàng Thị Ân	Nà Càng		60		
111	Hoàng Thị Xuyên	Liên Thuỷ		60		
112	Triệu Đức Mạc	Nà Duồng			30	
113	Hoàng Mạnh Dũng	Nà Duồng			30	
114	Đặng Quân Vượng	Bản Cuôn I		60		
115	Hà Văn Lưu	Bản Cuôn II			30	
116	Hoàng Văn Đàm	Bản Ồm		60		
117	Lường Văn Ngân	Bản Ồm		60		
118	Đinh Thị Chiên	Bảng Viễn 2		60		
			19	960	90	
Yên Phong						
119	Ma Văn Nhượng	Thôn Bản Tắc		60		
120	Nông Ngọc Hồi	Thôn Yên Bình		60		
121	Lý Văn Tào	Thôn Yên Bình		60		
122	Nguyễn Văn Mục (Thục)	Thôn Khuổi Huân		60		
123	Mai Hắc Khánh	Thôn Đon Mạ		60		
124	Nông Văn Thiện	Thôn Nà Khảo		60		
125	Nông Xuân Lập	Thôn Bản Sáo		60		
126	Trần Văn Dầu	Thôn Mỹ Thanh		60		
127	Nguyễn Thị Thập	Thôn Yên Bình			30	
128	Ngân Trung Liên	Thôn Bản Sáo			30	
129	Hoàng Đức Bào	Thôn Bản Sáo			30	
130	Ma Văn Điền	Thôn Ủm Đon			30	
131	Lưu Văn Độ	Thôn Ủm Đon		60		
			13	540	120	
Nghĩa Tá						
132	Lý Văn Đại	Thôn Nà Khăn		60		
133	Nguyễn Mạnh Thề	Thôn Bản Lạp		60		
134	Triệu Thị Đáo	Thôn Nà Quân		60		
135	Hoàng Văn My	Thôn Nà Quân		60		

136	Nông Thị Tím	Thôn Khuổi Quân		60		
137	Hoàng Thị Đa	Thôn Bản Đięng		60		
138	Chu Đức Siệu	Thôn Kéo Tôm		60		
139	Ma Thế Khâm	Thôn Nà Ếch			30	
140	Dương Xuân Niên	Thôn Nà Ếch			30	
141	Lục Tiến Đại	Thôn Bản Mòn			30	
142	Nguyễn Văn Đồ	Thôn Nà Cà			30	
			11	420	120	
Yên Thịnh						
143	Trần Văn Độ	Thôn Hợp Tiến		60		
144	Nông Văn Hùng	Thôn Thâm Tàu		60		
145	Ma Đình Hải	Thôn Tân Bình 3		60		
146	Ma Tiến Độ	Thôn Tân Bình 3			30	
			4	180	30	
Quảng Bạch						
147	Triệu Văn Đồng	Thôn Bản Duồn		60		
148	Triệu Văn Luyện	Thôn Bản Lác		60		
149	Ma Đình Thơ	Thôn Nà Ngần			30	
150	Lý Kim Quảng	Thôn Khuổi Đăm		60		
151	Triệu Tiến Quảng	Thôn Khuổi Đăm		60		
152	Triệu Thị Chung	Thôn Bản Lác		60		
153	Nông Văn Ngoạn	Thôn Nà Cà		60		
154	Tràng Văn Hiếu	Thôn Bản Chang		60		
155	Hoàng Quang Va	Thôn Phai Đięng			30	
			9	420	60	
Nam Cường						
156	Hoàng Văn Tùng	Thôn Bản Tùn		60		
157	Long Văn Cử	Thôn Bản Tùn		60		
158	Hoàng Văn Cát	Thôn Bản Ó			30	
			3	120	30	
Phủ Thông						
159	Nguyễn Thị Thanh	Phố Ngã Ba		60		
160	Nguyễn Văn Tịnh	Thôn Nà Pải			30	
161	Nguyễn Kiêm Ky	Thôn Nà Sang			30	
162	Long Văn Hải	Thôn Nà Pải			30	
163	Đinh Thị Ninh	Thôn Nà Sang			30	

164	Mạc Thiêm Sầm	Thôn Đon Bậy			30	
165	Hoàng Văn Sỹ	Thôn Phúc Hòa			30	
166	La Thị Lịch	Thôn Nà Nghịu			30	
167	Nguyễn Xuân Thực	Phố Ngã Ba			30	
			9	60	240	
Cắm Giàng						
168	Nông Thanh Hải	Thôn Nà Xỏm		60		
169	Phạm Viết Đạo	Thôn Thuỷ Bình		60		
170	Dương Ngọc Dong	Thôn Nà Tu			30	
171	Lý Đức Thụy	Thôn Nà Xỏm			30	
172	Âu Thị Đàm	Thôn Nam Hà			30	
			5	120	90	
Bạch Thông						
173	Lường Văn Khánh	Thôn Toàn Thắng		60		
174	Nguyễn Phúc Đặng	Thôn Đồng Tiến		60		
175	Lèng Văn Thiết	Thôn Đồng Tiến		60		
176	Lường Văn Tích	Thôn Toàn Thắng		60		
177	Nguyễn Tiến Quân	Thôn Đại Thắng		60		
178	Hà Sỹ Dương	Thôn Hợp Thắng		60		
			6	360		
Ba Bể						
179	Dương Văn Chí	Thôn Nà Niềng			30	
180	Hoàng Thanh Phú	Thôn Bản Nản			30	
181	Hứa Văn Tình	Thôn Pác Ngòi			30	
			3		90	
Chợ Rã						
182	Đặng Văn Hậu	Bản Váng		60		
183	Lương Văn Minh	Mỏ Đá		60		
184	Lưu Văn Châm	Bản Ngù			30	
185	Vi Văn Trọng	Nà Đức			30	
186	Hoàng Thị Xanh	Mỏ Đá		60		
			5	180	60	
Đồng Phúc						
187	Hứa Văn Thụ	Thôn Nà SLải			30	
188	Ma Văn Nghiêu	Thôn Bản Váng			30	
189	Hoàng Văn Tuấn	Thôn Hà Trang			30	
			3		90	

Thượng Minh					
190	Nông Văn Hà	Thôn Loỏng Lúng		60	
191	Hứa Đình Liên	Thôn Bản Hậu		60	
192	Dương Kim Bội	Thôn Khuổi Sliễn		60	
193	Lương Văn Yển	Thôn Pù Mát		60	
194	Đoàn Trung Thương	Thôn Pù Mát		60	
195	Tô Ngọc Minh	Thôn Pác Chi		60	
196	Nông Văn Chúc	Thôn Phiêng Phàng		60	
197	Dương Quốc Chính	Thôn Thạch Ngóa 2			30
198	Lành Thị Lập	Thôn Thạch Ngóa 2			30
			9	420	60
Phúc Lộc					
199	Lý Xuân Nam	Thôn Nà Còi		60	
200	Hoàng Văn Khao	Thôn Khuổi Tầu		60	
201	Nguyễn Văn Vàng	Thôn Thiêm Diễm		60	
202	Hoàng Trí Nam	Thôn Nà Vài		60	
203	Hoàng Hồng Tinh	Thôn Cốc Lùng		60	
			5	300	
Thanh Mai					
204	Lưu Đình Túc	Thôn Khẩu Tổng		60	
205	Linh Thị Vinh	Thôn Trung Tâm		60	
206	Hà Đức Ất	Thôn An Thọ		60	
207	Hà Văn Huyền	Thôn Bản Pá			30
208	Vi Văn Tuế	Thôn Đoàn Kết			30
209	Lý Văn Sơn	Thôn Khau Ràng		60	
210	Lưu Đình Rao	Thôn Bản Rả		60	
			7	300	60
Thanh Thịnh					
211	Bùi Văn Tý	Thôn Sáu Hai		60	
212	Hoàng Nhật Vĩnh	Thôn Hợp Nhất		60	
213	Hà Thị Thịnh	Thôn Bản Tét		60	
214	Hà Văn Túc	Thôn Bản Áng		60	
215	Lường Văn Lanh	Thôn Bản Áng		60	
216	Trịnh Đức Gấm	Thôn Nà Đeo		60	
217	Nguyễn Văn Tiểu	Thôn Đồng Tiến			30
218	Âu Đình Quán	Thôn Bản Chàng			30
219	Ngô Trí Cao	Thôn Bản Còn			30

220	Trần Xuân Thọ	Thôn Khuổi Nhàu			30	
221	Triệu Văn Phẩm	Thôn Nà Giáo			30	
222	Triệu Văn Bình	Thôn Nà Giáo			30	
223	Hoàng Văn Bày	Thôn Hợp Nhất			30	
224	Triệu Quốc Doanh	Thôn Nà Giáo			30	
			14	360	240	
Chợ Mới						
225	Lê Đình Kiên	Tổ 1		60		
226	Vũ Thị Phẩm	Tổ 6		60		
227	Bùi Thị Hằng	Tổ 7		60		
228	Lục Thị Huệ	Tổ 4		60		
229	Lường Thị Gia	Thôn Nà Roòng		60		
230	Lưu Quang Chung	Thôn Cửa Khe		60		
231	Lường Văn Nam	Tổ 3			30	
			7	360	30	
Yên Bình						
232	Lý Văn Thép	Thôn Khuổi Chang		60		
233	Nguyễn Đình Đáp	Thôn Khuổi Chang		60		
234	Lưu Viết Ngoạn	Thôn Thái Lạo		60		
235	Nguyễn Văn Hôn	Thôn Trung tâm		60		
			4	240		
Tổng số			235	8.280	2.910	